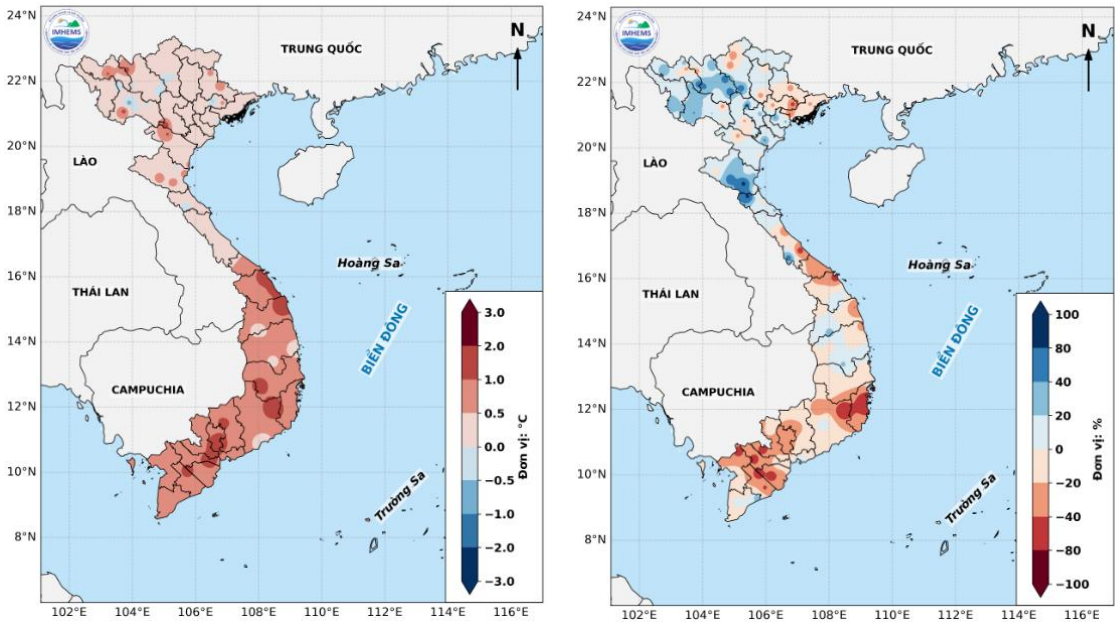
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, MÔI TRƯỜNG VÀ BIỂN

THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 9, 10, 11 NĂM 2026



(a) (b)

Chuẩn sai nhiệt độ (a) và lượng mưa (b) tháng 7/2026

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATE RESEARCH

Hà Nội, tháng 8 – 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT 2
DANH MỤC HÌNH VẼ 3
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5, 6, 7 NĂM 2026 4
1.1. Diễn biến ENSO 4
1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam 4
1.2.1. Nhiệt độ 4
1.2.2. Lượng mưa 6
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm 7
1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm 8
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 9, 10, 11 NĂM 2026 11
2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á 11
2.1.1. Dự báo xu thế ENSO 11
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á 11
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam 12
2.2.1. Dự báo nhiệt độ 12
2.2.2. Dự báo lượng mưa 12
2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan 14
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 9, 10, 11 NĂM 2026 15
PHỤ LỤC 16

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn, Môi trường và Biển, Bộ Nông nghiệp và Môi trường biên tập và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của "Thông báo và Dự báo khí hậu" được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: http://www.imh.ac.vn.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn, Môi trường và Biển, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số ẩm (tỷ số giữa lượng mưa và lượng bốc hơi)
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMĐ	Gió mùa mùa đông
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	JMA	Cơ quan Khí tượng Nhật Bản (Japan Meteorological Agency)
10	KKL	Không khí lạnh
11	KTTV	Khí tượng thủy văn
12	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
13	Met Office	Cơ quan Khí tượng Vương quốc Anh
14	Météo-France	Cơ quan Khí tượng quốc gia Pháp
15	NCEP	Trung tâm dự báo môi trường quốc gia Hoa Kỳ (National Centers for Environmental Prediction)
16	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
17	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
18	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
19	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
20	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
21	SNM	Số ngày mưa
22	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
23	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
24	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
25	TBD	Thái Bình Dương
26	TBNN	Trung bình nhiều năm
27	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
28	TLM	Tổng lượng mưa
29	TSGN	Tổng số giờ nắng
30	XĐ	Xích đạo
31	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

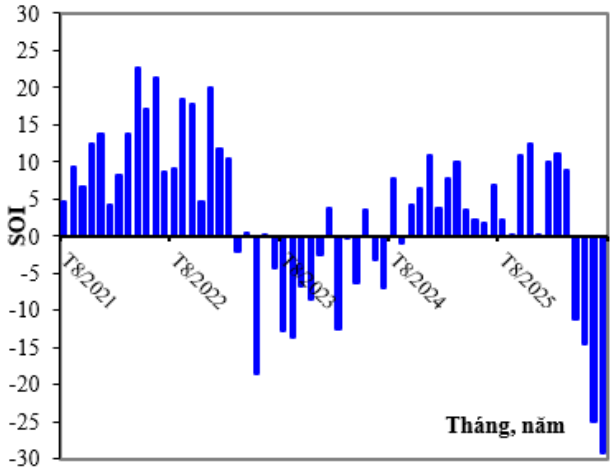
DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (8/2021 - 7/2026) 4
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (ºC) tại khu vực NINO3.4 (8/2021 - 7/2026) 4
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (ºC)..... 5
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 7/2026 (ºC)..... 5
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (ºC)..... 5
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 7/2026 (ºC)..... 5
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (ºC)..... 5
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 7/2026 (ºC)..... 5
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (mm)..... 6
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (%)..... 6
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 7/2026 (mm)..... 6
Hình 1.12. Phân bố chuẩn sai lượng mưa tháng 7/2026 (%)..... 6
Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (ngày) 7
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 7/2026 (ngày) 7
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (giờ) 7
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 7/2026 (giờ) 7
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (mm)..... 8
Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 7/2026 (mm)..... 8
Hình 1.19. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 5-7 năm 2026..... 8
Hình 1.20. Phân bố chỉ số ẩm tháng 7/2026..... 8
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 11
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 11
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 cho khu vực châu Á 12
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 12
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 cho khu vực châu Á..... 12
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 9-11 năm 2026..... 12
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 9-11 năm 2026..... 14
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 14

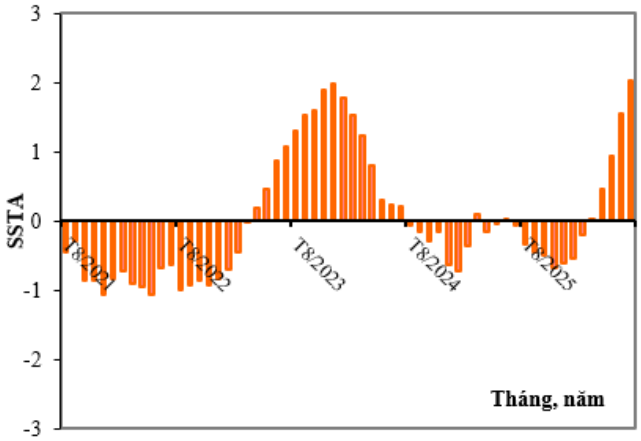
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 5, 6, 7 NĂM 2026

1.1. Diễn biến ENSO

Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 13/8/2026: Trong tháng 7/2026, ***điều kiện khí quyển - đại dương phản ánh trạng thái El Nino tiếp tục mạnh lên.*** Trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương, trong 3 tháng qua, chỉ số dao động Nam (SOI) là -14,5; -24,9 và -29,1 (Hình 1.1). Tại khu vực NINO3.4, SSTA có giá trị lần lượt là 0,94°C; 1,55°C và 2,03°C (Hình 1.2).



Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (8/2021 - 7/2026)
(Nguồn: www.bom.gov.au)



Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (8/2021 - 7/2026)
(Nguồn: http://www.cpc.ncep.noaa.gov)

1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam

1.2.1. Nhiệt độ

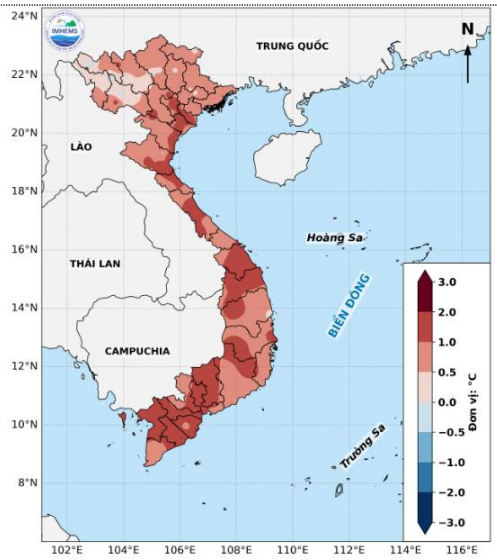
NĐTB mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 khoảng từ 20,5 đến 30,9°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C trên hầu hết lãnh thổ (Hình 1.3). NĐTB tháng 7/2026 từ 20,3 đến 30,8°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C trên đại bộ phận diện tích nước ta, thấp hơn TBNN từ 0,1 đến 0,5°C ở một số nơi thuộc Bắc Bộ (Hình 1.44).

Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 dao động từ 23,5 đến 36,4°C; cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2°C trên hầu khắp cả nước (Hình 1.55). NĐTCTB tháng 7/2026 trong khoảng từ 23,8 đến 36,1°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C trên đại bộ phận diện tích nước ta, thấp hơn khoảng 0,1 đến 1°C ở một phần nhỏ diện tích Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ (Hình 1.6).

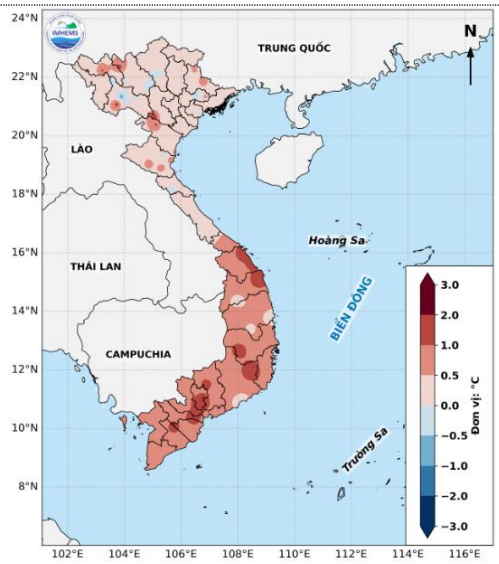
Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 phổ biến từ 30 đến 42°C và trong tháng 7/2026 phổ biến từ 30 đến 39,5°C. Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 7/2026 là 40,4°C tại trạm Tam Kỳ vào ngày 19.

Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTTTB) mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 từ 17,5 đến 28,2°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,7°C trên phạm vi cả nước (Hình 1.7). NĐTTTB tháng 7/2026 từ 17,8 đến 28,4°C; cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1 đến 1,7°C trên hầu hết lãnh thổ (Hình 1.8).

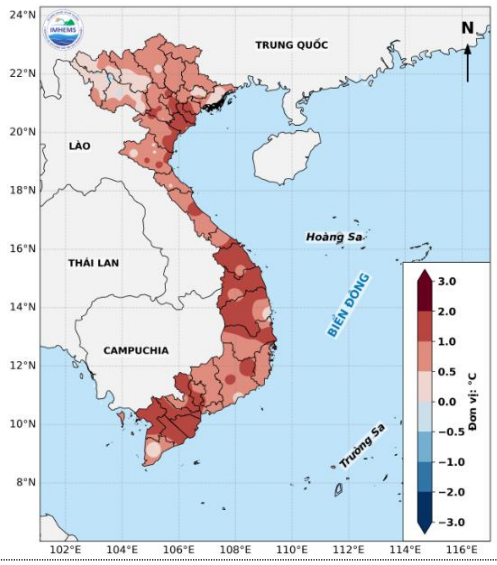
Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTTTĐ) mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 phổ biến từ 17 đến 24,5°C và trong tháng 7/2026 chủ yếu từ 19,5 đến 25,5°C. Giá trị thấp nhất trong tháng 7/2026 là 16,3°C quan trắc được tại trạm Đà Lạt vào ngày 22.



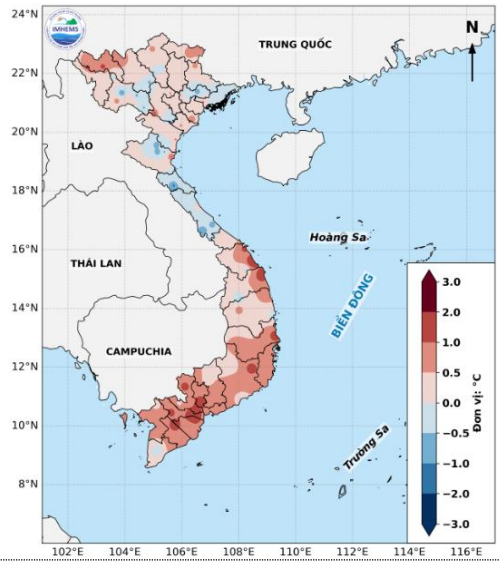
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (°C)



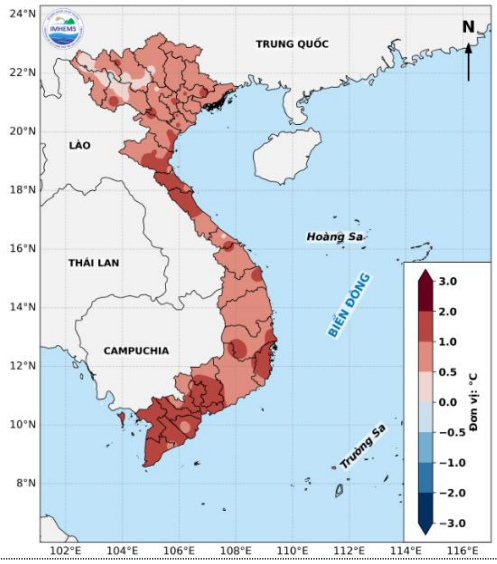
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 7/2026 (°C)



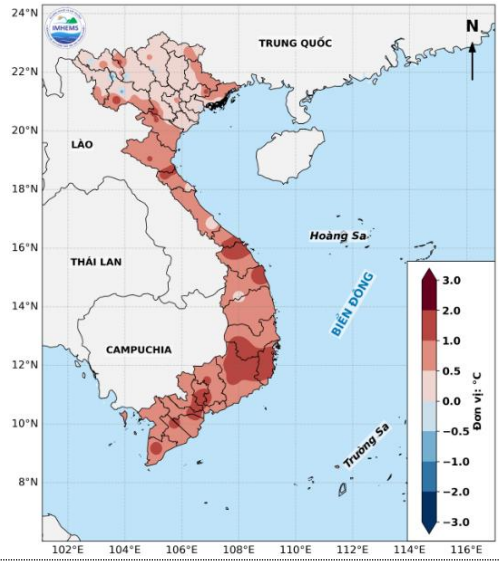
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (°C)



Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 7/2026 (°C)



Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (°C)



Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 7/2026 (°C)

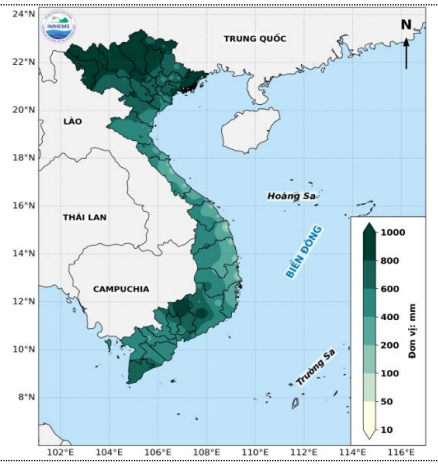
1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026, tổng lượng mưa (TLM) trên phần lớn diện tích nước ta từ 400 đến 800 mm; duyên hải Nam Trung Bộ có TLM 200 đến 400 mm; khu vực miền núi Bắc Bộ có TLM trên 800mm (Hình 1.9). Lượng mưa thấp hơn TBNN phổ biến từ 5 đến 45% ở Trung Bộ và Nam Bộ, cao hơn TBNN chủ yếu từ 1 đến 30% ở đa phần diện tích Bắc Bộ (Hình 1.10).

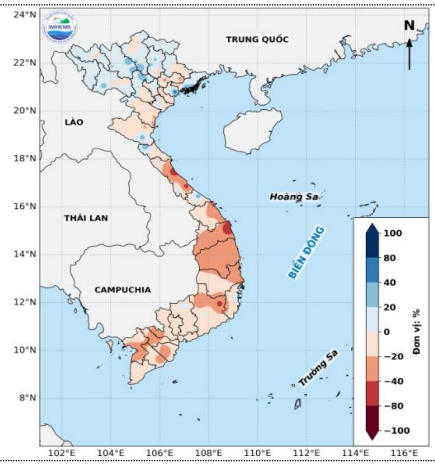
Trong tháng 7/2026, ở Bắc Bộ, cao nguyên Nam Trung Bộ và Nam Bộ có TLM phổ biến 200 đến 500mm; đa phần diện tích Trung Bộ có TLM từ 50 đến 200 mm (Hình 1.11). Lượng mưa cao hơn TBNN từ 5 đến 60% ở phía Bắc; thấp hơn TBNN chủ yếu từ 5 đến 50% ở phía Nam (Hình 1.12).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 phổ biến từ 40 đến 150 mm và trong tháng 7/2026 phổ biến từ 20 đến 130 mm. Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 7/2026 là 208 mm quan trắc được tại trạm Đô Lương vào ngày 28.

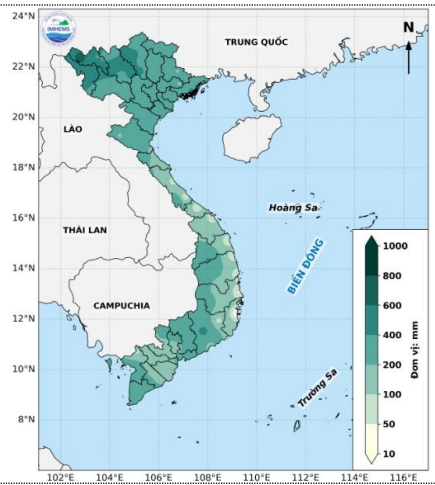
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 thấp hơn TBNN từ 1 đến 15 ngày trên đại bộ phận diện tích cả nước, cao hơn 1 đến 5 ngày ở một phần diện tích Bắc Bộ (Hình 1.13). Trong tháng 7/2026, SNM cao hơn TBNN từ 1 đến 9 ngày trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ, thấp hơn TBNN 1 đến 3 ngày ở một phần nhỏ diện tích Tây Nam Bộ (Hình 1.14).



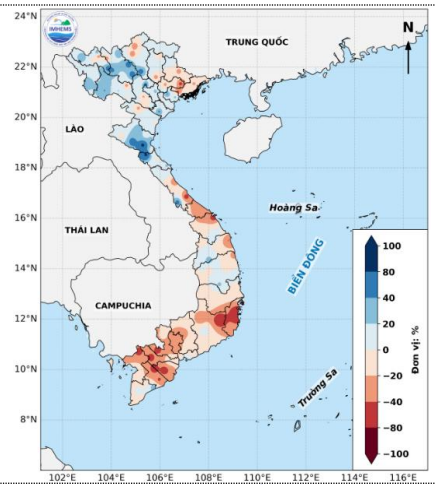
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (mm)



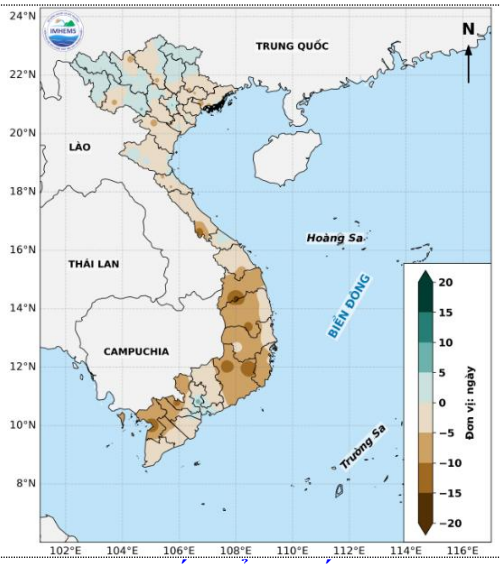
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (%)



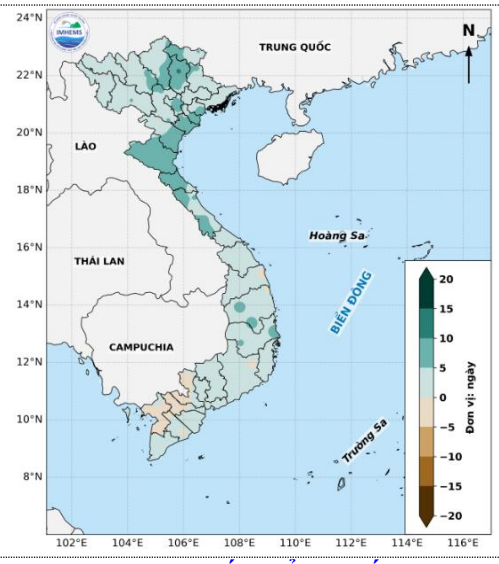
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 7/2026 (mm)



Hình 1.12. Phân bố chuẩn sai lượng mưa tháng 7/2026 (%)



Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (ngày)



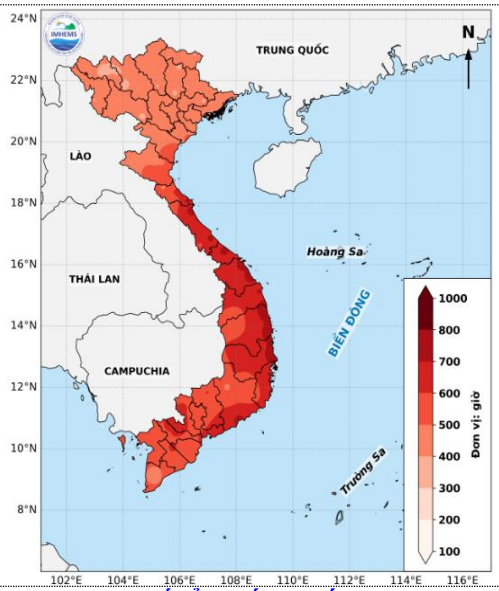
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 7/2026 (ngày)

1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

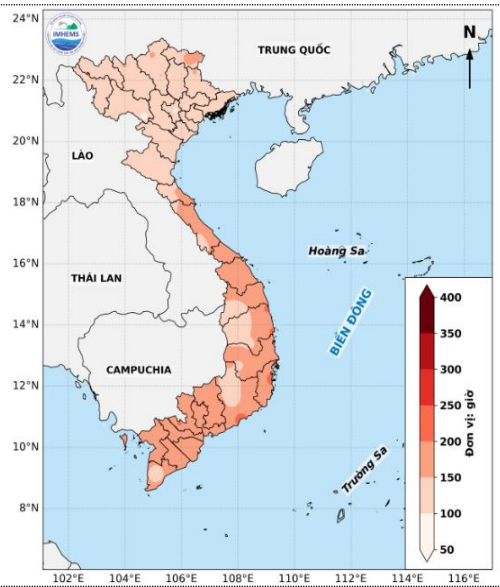
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 ở Bắc Bộ chủ yếu từ 350 đến 500 giờ; ở Trung Bộ và Nam Bộ từ 500 đến 750 giờ. Trong tháng 7/2026, TSGN ở Bắc Bộ, Thanh Hoá - Nghệ An và cao nguyên Nam Trung Bộ từ 100 đến 150 giờ; đa phần Trung Bộ và Nam Bộ có TSGN từ 150 đến 200 giờ (Hình 1.15 và Hình 1.16).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 ở nước ta chủ yếu từ 140 đến 400 mm; trong đó, thấp nhất ở vùng núi Bắc Bộ và phía nam cao nguyên Nam Trung Bộ, cao nhất ở Bắc Trung Bộ. Trong tháng 7/2026, TLBH ở phần lớn Bắc Bộ và cao nguyên Nam Trung Bộ từ 40 đến 80mm; đồng bằng Bắc Bộ, đa phần Trung Bộ và Nam Bộ có TLBH 80 đến 150 mm (Hình 1.17 và Hình 1.18).

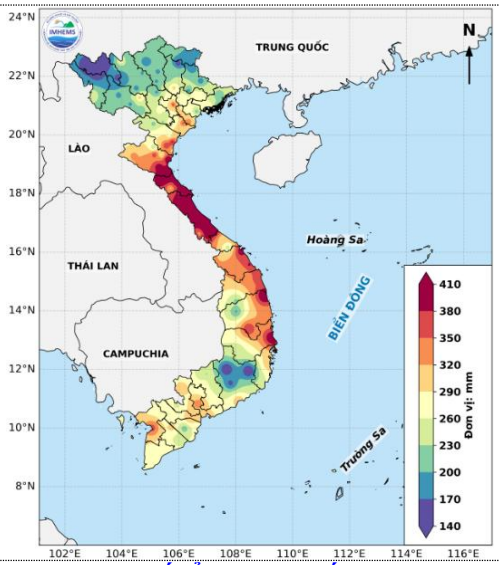
Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026, thiếu hụt ẩm xảy ra ở dải ven biển Nam Trung Bộ (chỉ số ẩm A nhỏ hơn 1). Tháng 7/2026, thiếu hụt ẩm cũng chỉ xảy ra cục bộ ở ven biển Trung Bộ. (Hình 1.19, Hình 1.20).



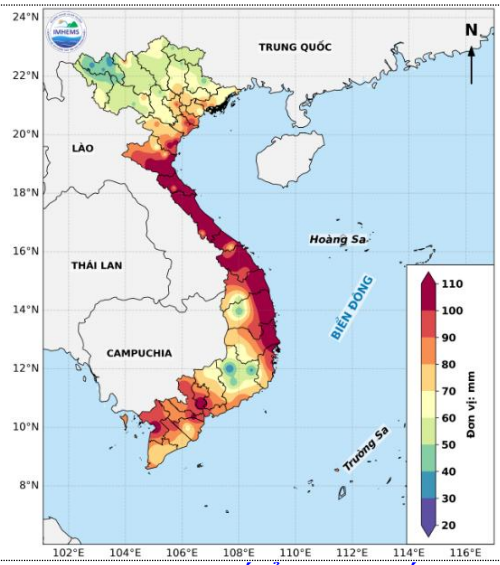
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (giờ)



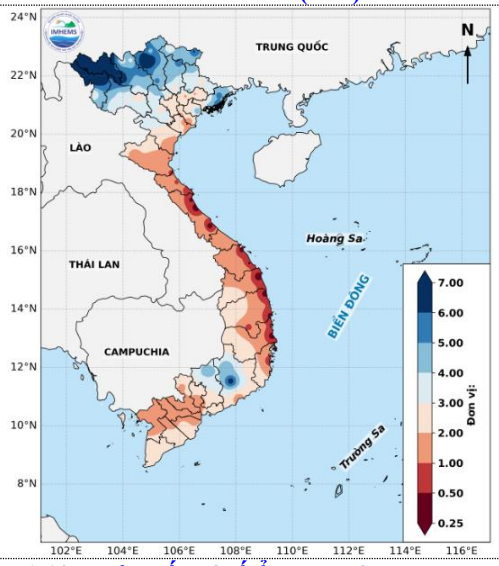
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 7/2026 (giờ)



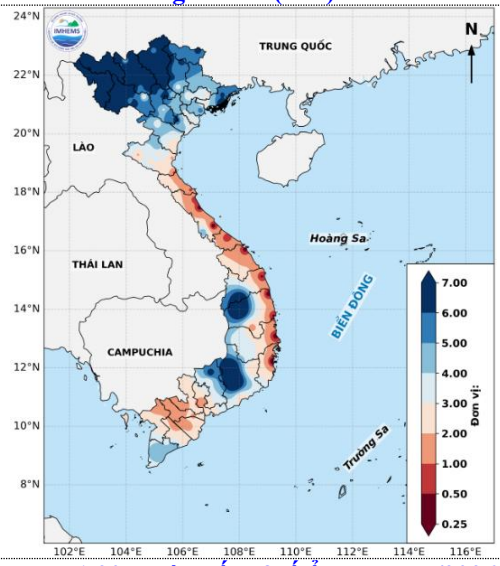
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 (mm)



Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 7/2026 (mm)



Hình 1.19. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 5-7 năm 2026



Hình 1.20. Phân bố chỉ số ẩm tháng 7/2026

1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

Không khí lạnh (KKL): Trong 3 tháng qua có 3 đợt KKL, tập trung trong tháng 5 và 6/2026, tháng 7/2026 không có đợt nào.

Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Trong mùa 3 tháng qua, có 3 XTNĐ hoạt động trên Biển Đông, trong đó, tháng 6/2026 có 1 ATNĐ và tháng 7/2026 có 2 cơn bão. Bão số 1 (MAYSAK) bắt nguồn từ một vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông của khu vực giữa Biển Đông trong ngày 1/7, đến ngày 2/7 thành bão và tối ngày 4/7 đi vào khu vực Móng Cái (Quảng Ninh) sau đó đi sâu vào đất liền phía Nam tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) trong ngày 5/7. Hoàn lưu bão gây mưa chủ yếu cho các tỉnh Đông Bắc Bộ; Bão số 2 (NOUL) hoạt động trên Biển Đông từ ngày 24/7 và đến ngày 26/7 đổ bộ vào khu vực Quảng Đông (Trung Quốc), sau đó đi sâu vào đất liền, suy yếu dần thành vùng thấp, không gây ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta.

Mưa lớn: Trong mùa 3 tháng qua, có 6 đợt mưa lớn diện rộng xảy ra, trong đó, tháng 6 có 1 đợt và tháng 7/2026 có 5 đợt. Các đợt mưa lớn trong tháng 7 xảy ra vào các ngày

28/6–01/7, 05–06/7, 08–10/7, 16–17/7 ở Bắc Bộ và ngày 27–31/7 ở Bắc Bộ đến Bắc Trung Bộ (Bắc Bộ từ 27–31/7, Bắc Trung Bộ từ 28–31/7). Đáng chú ý, đợt mưa ngày 28/6-1/7 và 27-31/7, do ảnh hưởng của rãnh áp thấp kết hợp hội tụ gió trên cao, tổng lượng mưa cả đợt phổ biến 100-200mm, có nơi trên 300mm. Đặc biệt, đợt 16–17/7, chỉ trong 2 ngày, lượng mưa phổ biến 80–150mm, có nơi lên đến 250mm, gây lũ, lũ quét, sạt lở đất ở một số nơi thuộc Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, thiệt hại đáng kể về người và tài sản.

Nắng nóng: Trong mùa 3 tháng qua, có 10 đợt nắng nóng diện rộng xảy ra, trong đó, tháng 5 và tháng 6/2026 có 6 đợt, tháng 7/2026 có 4 đợt. Các đợt nắng nóng trong tháng 7/2026 xảy ra ở Bắc Bộ trong ngày 12-14/7 (nhiệt độ cao nhất phổ biến 36-38°C, có nơi trên 39°C); ở Trung Bộ trong các ngày 07-08/7, 14-23/7 và 26-27/7 (nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến từ 36-39°C, có nơi trên 40°C). Riêng khu vực cao Nguyên Trung Bộ và Nam Bộ, nắng nóng chỉ xảy ra cục bộ, chủ yếu trong các ngày 10-11/7 và 21-22/7, nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến 35-36°C.

Dông lốc: Có 30 trận dông lốc xảy ra trong mùa 3 tháng qua, trong đó, 23 trận xảy ra trong tháng 5 và 6/2026 (1 trận kèm mưa đá), 7 trận trong tháng 7/2026. Các trận dông lốc trong tháng 7 xảy ra chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nam Bộ.

Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc KTTV trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026 chủ yếu do bão, mưa lớn, dông lốc, sét, sạt lở, ngập lụt gây ra. Theo số liệu thống kê sơ bộ do Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai *(https://phongchongthientai.mard.gov.vn)* công bố, có 34 người chết và mất tích; 42 người bị thương; trên 5.7 nghìn ngôi nhà bị sập, tốc mái, hư hỏng; gần 20,3 nghìn ha lúa, hoa màu và cây ăn quả bị thiệt hại; hơn 2,7 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết và một số thiệt hại khác về thủy sản, giao thông, thủy lợi, công trình công cộng …

Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 5-7 năm 2026:

(1) Nhiệt độ

- Mùa 3 tháng 5-7 năm 2026: Trên hầu hết diện tích nước ta, NĐTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C; NĐTCTB cao hơn từ 0,1 đến 2°C và NĐTTTB cao hơn từ 0,1 đến 1,7°C.
- Tháng 7/2026: Trên đại bộ phận diện tích cả nước, NĐTB và NĐTCTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến 1,5°C; NĐTTTB cao hơn TBNN phổ biến từ 0,1 đến 1,7°C trên hầu hết lãnh thổ.
- Cực trị nhiệt độ tháng 7/2026: Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 7/2026 là 40,4°C tại trạm Tam Kỳ vào ngày 19. Giá trị thấp nhất trong tháng 7/2026 là 16,3°C quan trắc được tại trạm Đà Lạt vào ngày 22.

(2) Lượng mưa

- Mùa 3 tháng 5-7 năm 2026: TLM thấp hơn TBNN phổ biến từ 5 đến 45% ở Trung Bộ và Nam Bộ, cao hơn TBNN chủ yếu từ 1 đến 30% ở đa phần diện tích Bắc Bộ.
- Tháng 7/2026: TLM cao hơn TBNN từ 5 đến 60% ở phía Bắc; thấp hơn TBNN chủ yếu từ 5 đến 50% ở phía Nam. LMNLN phổ biến từ 20 đến 130 mm, với giá trị lớn nhất là 208 mm quan trắc được tại trạm Đô Lương vào ngày 28.

(3) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- Trong mùa 3 tháng 5-7 năm 2026, ghi nhận 3 đợt KKL, 3 XTNĐ, 6 đợt mưa lớn diện rộng, 10 đợt nắng nóng diện rộng và 30 trận dông, lốc, mưa đá trên lãnh thổ Việt Nam.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 9, 10, 11 NĂM 2026

2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á

2.1.1. Dự báo xu thế ENSO

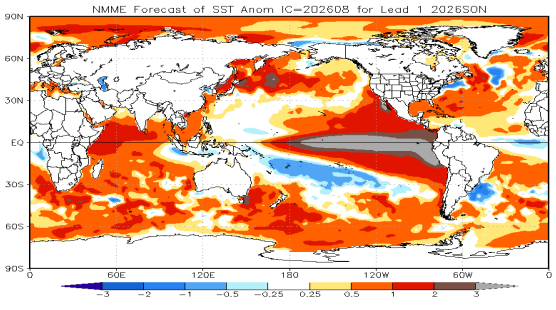
Theo các trung tâm dự báo khí hậu quốc tế (CPC, IRI, BOM và ECMWF), điều kiện khí quyển đang ở trạng thái El Niño và nhiều khả năng sẽ duy trì đến mùa xuân năm 2027 với xác suất 80–85%. Về cường độ, CPC (20/7/2026) nhận định El Niño sẽ tiếp tục mạnh lên và nhiều khả năng đạt cường độ rất mạnh trong mùa thu và mùa đông năm 2026/2027 với xác suất trên 90%. IRI cũng nhận định El Niño tiếp tục tăng cường rõ rệt, với chỉ số Niño 3.4 đạt 2,7°C vào giữa tháng 8/2026, cho thấy khả năng hình thành một đợt El Niño rất mạnh (Hình 2.1). Trong khi đó, ECMWF dự báo dị thường nhiệt độ mặt nước biển (SSTA) tại khu vực NINO3.4 từ tháng 9 đến tháng 11 phổ biến từ 3,2–4,2°C, phản ánh một sự kiện El Niño có cường độ rất mạnh (Hình 2.2).

Hiện nay, điều kiện khí quyển và đại dương đang ở trạng thái El Niño. Dự báo El Nino có khả năng tiếp tục duy trì đến mùa xuân năm 2027 (xác suất 80-85%). El Niño có xu hướng gia tăng về cường độ, khả năng đạt cường độ rất mạnh trong mùa 3 tháng 9–11 năm 2026 và duy trì đến mùa 3 tháng 11/2026-01/2027 với xác suất khoảng 90-95% (CPC).

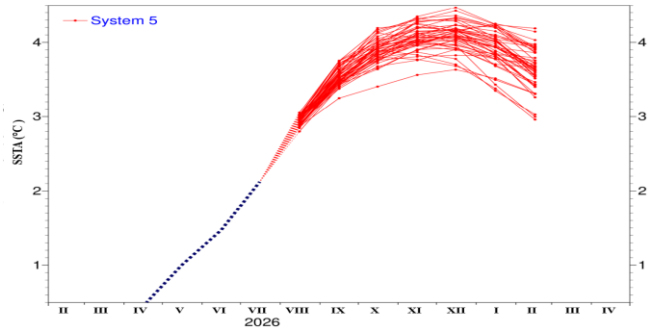
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á

Nhiệt độ: Theo dự báo của IRI và ECMWF, NĐTB mùa 3 tháng 9–11 năm 2026 có xu thế cao hơn TBNN trên phần lớn khu vực châu Á. Dự báo của IRI cho thấy xác suất NĐTB cao hơn TBNN dao động từ 45% đến trên 70% (Hình 2.3). Trong khi đó, ECMWF dự báo NĐTB phổ biến cao hơn TBNN từ 0–2°C (Hình 2.4).

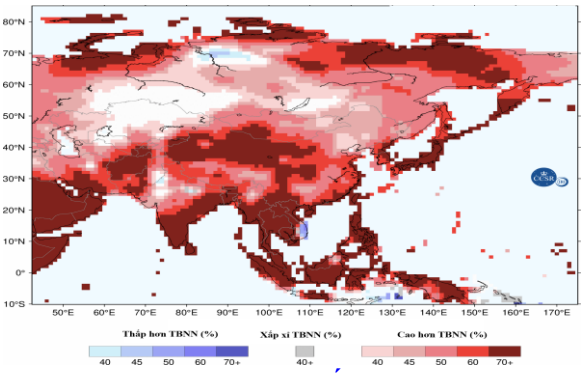
Lượng mưa: Theo dự báo của IRI và ECMWF, TLM mùa 3 tháng 9–11 năm 2026 có sự phân hóa rõ rệt trên khu vực châu Á, với xu thế dự báo giữa hai mô hình nhìn chung khá tương đồng. Cả hai mô hình đều cho thấy TLM thấp hơn TBNN tại phần lớn khu vực Nam Á và Đông Nam Á, mức thiếu hụt phổ biến khoảng 50–200 mm, cục bộ trên 200 mm. Ngược lại, TLM có xu hướng xấp xỉ đến cao hơn TBNN tại một số khu vực Tây Á, Trung Á, Bắc Á và vùng biển phía Nam Ấn Độ Dương phổ biến cao hơn khoảng 50–100 mm, cục bộ trên 100–200 mm. Đáng chú ý, cả IRI và ECMWF đều dự báo xu thế thiếu hụt lượng mưa rõ rệt tại khu vực phía Đông Nam Á và vùng biển phía Đông Philippines, trong đó mức thiếu hụt có thể phổ biến trên 200 mm (Hình 2.5, Hình 2.6).



Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 9-11 năm 2026
(Nguồn: http://iridl.ldeo.columbia.edu)

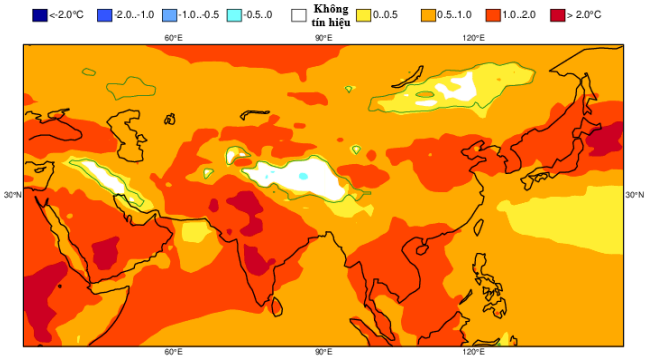


Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 9-11 năm 2026
(Nguồn: http://www.ecmwf.int)



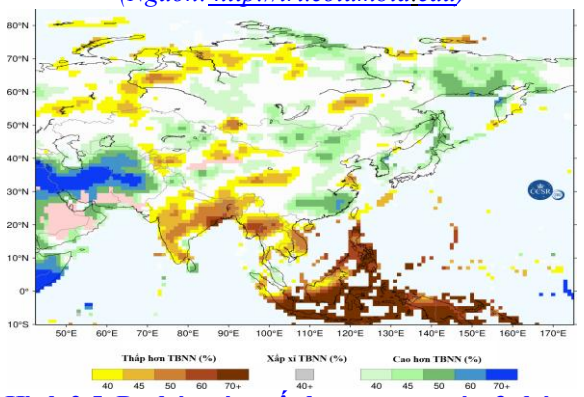
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 cho khu vực châu Á

(Nguồn: http://iri.columbia.edu)



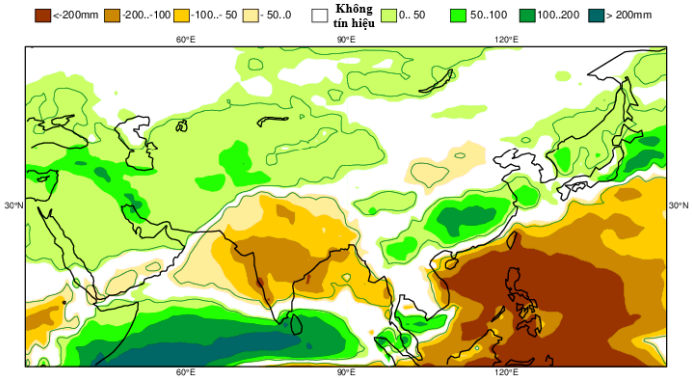
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 9-11 năm 2026

(Nguồn: http://www.ecmwf.int)



Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 cho khu vực châu Á

(Nguồn: http://iri.columbia.edu)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 9-11 năm 2026

(Nguồn: http://www.ecmwf.int)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Các trung tâm dự báo khí hậu quốc tế (IRI, NCEP, JMA, Met Office, BOM và ECMWF) đều dự báo NĐTB mùa 3 tháng 9–11 năm 2026 cao hơn TBNN trên phần lớn lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, ECMWF dự báo NĐTB phổ biến cao hơn TBNN khoảng 0–1,0°C (Hình 2.4). Phần lớn các mô hình đều cho thấy xác suất NĐTB cao hơn TBNN trên 70%. Riêng IRI dự báo khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung Bộ có khả năng xuất hiện NĐTB thấp hơn TBNN, với xác suất khoảng 40–60% (Hình 2.3).

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, NĐTB mùa 3 tháng 9–11 năm 2026 có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết khu vực cả nước với xác suất phổ biến từ 80–100%; mức cao hơn so với TBNN phổ biến từ 1–2°C (Hình 2.7).

Nhận định: Nhiệt độ trung bình trong mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

2.2.2. Dự báo lượng mưa

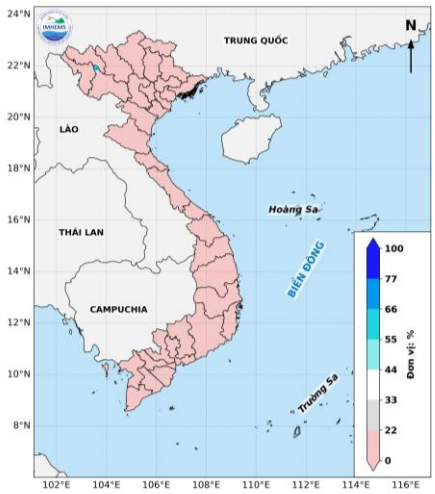
TLM mùa 3 tháng 9–11 năm 2026 trên lãnh thổ Việt Nam có xu thế xấp xỉ đến thấp hơn TBNN, tuy nhiên vẫn tồn tại sự khác biệt giữa các mô hình dự báo trên thế giới. Các dự báo của ECMWF (Hình 2.5), JMA, Met Office, Météo-France và IRI (Hình 2.6) đều cho thấy xu thế thiếu hụt lượng mưa tại Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung Bộ, trong đó tín hiệu thấp hơn TBNN khá rõ rệt. Đối với khu vực từ Bắc Trung Bộ, JMA, IRI và

NCEP nghiêng về lượng mưa thấp hơn TBNN, trong khi ECMWF, Met Office và Météo-France chủ yếu dự báo xấp xỉ TBNN. Đối với Bắc Bộ, các trung tâm chủ yếu dự báo lượng mưa xấp xỉ TBNN; NCEP, Met Office và Météo-France nghiêng về xấp xỉ đến cao hơn TBNN, trong khi JMA có xu thế xấp xỉ đến thấp hơn. Đối với Nam Bộ, IRI và JMA dự báo lượng mưa thấp hơn TBNN, còn EC, NCEP và Met Office chủ yếu dự báo xấp xỉ TBNN; Météo-France nghiêng về xấp xỉ đến thấp hơn TBNN.

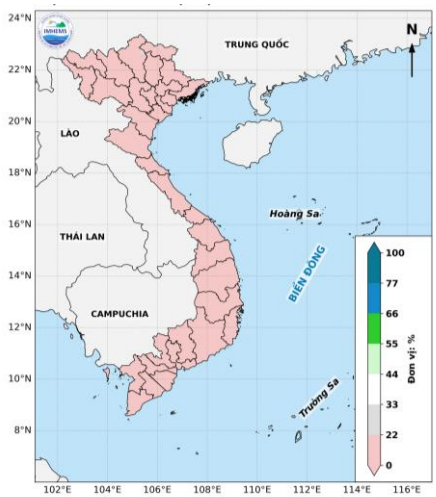
Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, TLM mùa 3 tháng 9–11 năm 2026 có khả năng xấp xỉ TBNN tại khu vực Bắc Bộ. Trong khi đó, tại khu vực Trung Bộ và Nam Bộ, TLM có khả năng thấp hơn TBNN với xác suất phổ biến từ 44–99%; mức thiếu hụt so với TBNN phổ biến từ 200–600 mm, có nơi trên 600 mm (Hình 2.8).

Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 tại một số điểm được thể hiện tại Bảng 3 phần Phụ lục.

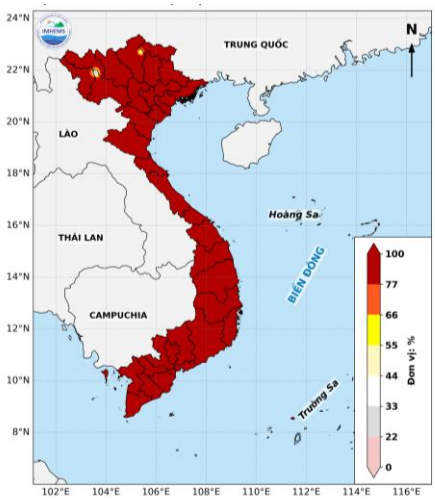
Nhận định: Trong mùa 3 tháng 9-11 năm 2026, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở khu vực từ Bắc Trung Bộ; thấp hơn TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ



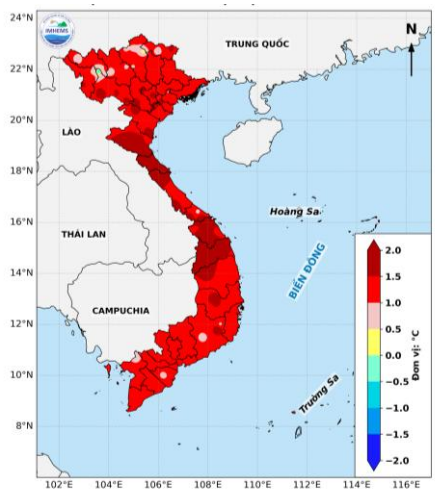
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)

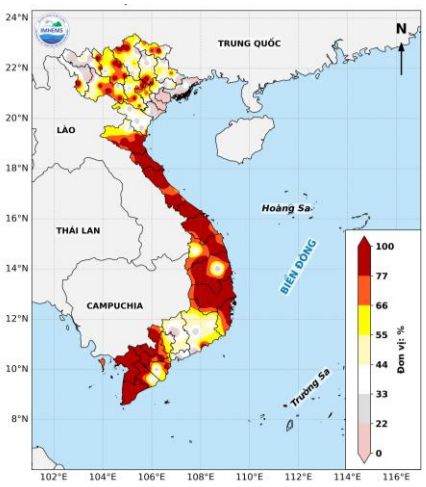


c) Xác suất cao hơn TBNN (%)

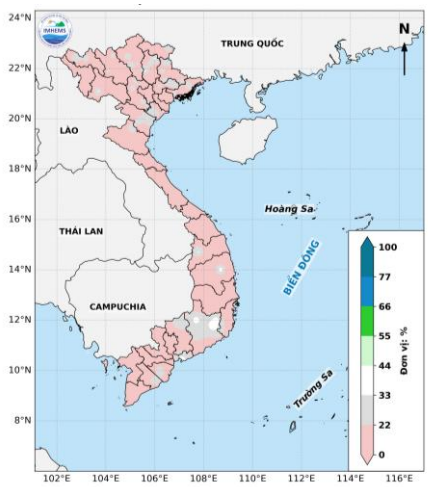


d) Chuẩn sai (°C)

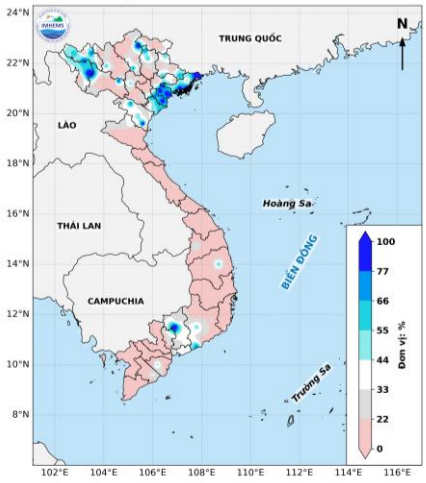
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 9-11 năm 2026



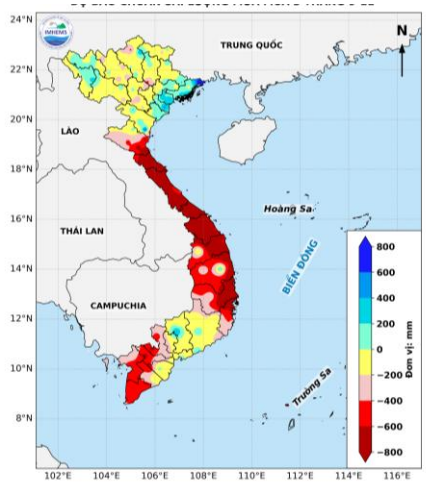
a) Xác suất thấp hơn TBNN (%)



b) Xác suất xấp xỉ TBNN (%)



c) Xác suất cao hơn TBNN (%)



d) Chuẩn sai (mm)

Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 9-11 năm 2026

2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):

Trong mùa 3 tháng 9-11 năm 2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức thấp hơn TBNN (TBNN giai đoạn 1991-2020: 5-6 cơn trên Biển Đông, trong đó có 3-4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- Nắng nóng:

Dưới tác động của El Niño và xu thế nhiệt độ cao hơn TBNN, nắng nóng sẽ tiếp tục xuất hiện tại Trung Bộ trong tháng 9 năm 2026.

- Điều kiện khô hạn:

Trong bối cảnh El Niño tiếp tục duy trì đến mùa xuân năm 2027 và có khả năng đạt cường độ từ mạnh đến rất mạnh vào cuối năm 2026, do đó mùa khô 2026/2027 tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán nghiêm trọng trên diện rộng.

PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 9, 10, 11 NĂM 2026

Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 9, 10, 11 năm 2026

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 9-11 năm 2026 như sau:

1) Hoạt động của ENSO:

Hiện nay, điều kiện khí quyển và đại dương đang ở trạng thái El Niño. Dự báo El Nino có khả năng tiếp tục duy trì đến mùa xuân năm 2027 (xác suất 80-85%). El Niño có xu hướng gia tăng về cường độ, khả năng đạt cường độ rất mạnh trong mùa 3 tháng 9–11 năm 2026 và duy trì đến mùa 3 tháng 11/2026–01/2027 với xác suất khoảng 90-95% (CPC).

(2) Gió mùa:

- GMMH có khả năng kết thúc sớm hơn đến xấp xỉ TBNN (TBNN: khoảng hậu thứ 57, tuần thứ 2 của tháng 10)
- GMMĐ có khả năng bắt đầu xấp xỉ hoặc muộn hơn TBNN, hoạt động yếu hơn TBNN. Rét đậm, rét hại có xu hướng xuất hiện muộn hơn TBNN.

(3) Nhiệt độ:

Trong mùa 3 tháng 9-11 năm 2026, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

(4) Lượng mưa:

Trong mùa 3 tháng 9-11 năm 2026, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở khu vực từ Bắc Trung Bộ; thấp hơn TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ. Đề phòng các đợt mưa lớn xảy ra gây lũ, ngập lụt cho khu vực Trung Bộ. Mùa mưa trên khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng kết thúc sớm hơn đến xấp xỉ TBNN.

(5) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- *Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ)*: Trong mùa 3 tháng 9-11 năm 2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng thấp hơn TBNN (5-6 cơn trên Biển Đông và 3-4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).
- *Nắng nóng:* Trong tháng 9 năm 2026, nắng nóng có khả năng tiếp tục xảy ra tại Trung Bộ.
- *Điều kiện khô hạn:* Mùa khô 2026/2027 tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán nghiêm trọng trên diện rộng.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 7/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Nhiệt độ trung bình (ºC)		Nhiệt độ tối cao (ºC)			Nhiệt độ tối thấp (ºC)		
	NĐTB	CS	NĐTCTB	CS	NĐTCTĐ	NĐTTTB	CS	NĐTTTĐ
Điện Biên	*26,5*	*0,3*	*30,7*	*0,2*	*35,4*	*24,2*	*0,6*	*22,2*
Sơn La	*24,4*	*-0,8*	*28,6*	*-1,0*	*32,8*	*21,8*	*-0,8*	*20,0*
Sa Pa	*21,1*	*1,3*	*23,8*	*0,9*	*26,8*	*19,1*	*1,3*	*17,0*
Bắc Quang	*28,5*	*0,4*	*33,6*	*0,3*	*36,8*	*25,8*	*0,6*	*24,2*
Lạng Sơn	*28,0*	*0,8*	*31,9*	*0,1*	*35,3*	*25,0*	*0,8*	*23,5*
Thái Nguyên	*29,0*	*0,1*	*33,1*	*0,1*	*36,6*	*26,4*	*0,3*	*24,3*
Láng	*30,2*	*0,4*	*33,9*	*0,0*	*38,1*	*27,9*	*0,8*	*24,9*
Bãi Cháy	*28,9*	*0,1*	*31,5*	*-0,3*	*34,2*	*27,0*	*0,5*	*24,8*
Phù Liễn	*28,4*	*-0,1*	*32,3*	*0,1*	*35,6*	*25,9*	*-0,2*	*22,5*
Thanh Hoá	*29,8*	*0,5*	*33,7*	*0,6*	*37,2*	*27,4*	*0,8*	*25,5*
Vinh	*30,4*	*0,3*	*34,2*	*-0,1*	*36,7*	*28,4*	*1,3*	*26,2*
Huế	*29,4*	*0,5*	*35,0*	*0,3*	*38,9*	*25,5*	*0,6*	*24,5*
Đà Nẵng	*30,8*	*1,4*	*35,5*	*1,1*	*39,0*	*27,5*	*1,5*	*25,5*
Quy Nhơn	*30,4*	*0,2*	*34,2*	*-0,2*	*37,2*	*28,2*	*0,7*	*26,9*
Nha Trang	*29,6*	*0,8*	*33,3*	*0,7*	*35,9*	*27,3*	*1,2*	*25,5*
Phan Thiết	*27,5*	*0,1*	*32,1*	*0,4*	*35,5*	*25,5*	*0,5*	*23,8*
Plây cu	*23,3*	*0,6*	*27,2*	*0,6*	*30,3*	*21,0*	*0,6*	*19,7*
B.M. Thuột	*25,8*	*1,2*	*30,3*	*0,6*	*33,2*	*23,0*	*1,3*	*22,0*
Đà Lạt	*20,3*	*1,4*	*24,3*	*1,2*	*27,2*	*17,8*	*1,4*	*16,3*
Tân Sơn Hoà	*29,6*	*1,5*	*34,4*	*1,2*	*36,0*	*26,8*	*1,5*	*25,0*
Vũng Tàu	*28,6*	*0,6*	*32,0*	*0,6*	*34,4*	*26,1*	*0,6*	*24,2*
Rạch Giá	*28,8*	*0,9*	*31,2*	*0,8*	*33,0*	*26,7*	*1,0*	*23,9*
Cần Thơ	*28,3*	*1,2*	*32,8*	*1,2*	*34,4*	*25,7*	*1,2*	*23,3*
Cà Mau	*28,1*	*0,5*	*31,5*	*-0,3*	*34,2*	*26,2*	*1,1*	*24,2*

(Chú thích: NĐTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NĐTCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NĐTCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NĐTTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NĐTTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

Bảng 2. Đặc trưng lượng mưa tháng 7/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	CS (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
Điện Biên	*423*	*28,1*	*23*	*4,2*	*66*
Sơn La	*332*	*22,1*	*23*	*4,9*	*45*
Sa Pa	*305*	*-36,7*	*28*	*2,6*	*45*
Bắc Quang	*542*	*-42,2*	*24*	*0,6*	*93*
Lạng Sơn	*172*	*-27,3*	*19*	*2,9*	*35*
Thái Nguyên	*246*	*-36,4*	*21*	*5,3*	*48*
Láng	*415*	*34,5*	*20*	*5,4*	*53*
Bãi Cháy	*361*	*-14,6*	*17*	*2,2*	*99*
Phù Liễn	*332*	*24,8*	*20*	*7,0*	*86*
Thanh Hoá	*207*	*-8,6*	*16*	*5,5*	*57*
Vinh	*130*	*-10,8*	*15*	*7,8*	*54*
Huế	*51*	*-38,8*	*13*	*4,2*	*21*
Đà Nẵng	*46*	*-50,0*	*9*	*1,6*	*9*
Quy Nhơn	*50*	*9,6*	*10*	*2,2*	*26*
Nha Trang	*13*	*-73,0*	*9*	*1,8*	*6*
Phan Thiết	*180*	*-7,7*	*16*	*1,1*	*30*
Pleiku	*394*	*-3,0*	*28*	*6,3*	*51*
B.M. Thuột	*216*	*-12,1*	*26*	*5,4*	*32*
Đà Lạt	*79*	*-64,5*	*21*	*-0,8*	*19*
Tân Sơn Hoà	*153*	*-28,9*	*18*	*3,1*	*38*
Vũng Tàu	*263*	*18,9*	*22*	*3,2*	*35*
Rạch Giá	*335*	*-5,2*	*18*	*-1,9*	*75*
Cần Thơ	*130*	*-49,9*	*21*	*1,3*	*35*
Cà Mau	*360*	*3,3*	*21*	*0,2*	*62*

(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

Bảng 3. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 9-11 năm 2026

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (ºC)	XSHC (%)	PV2 (ºC)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Tây Bắc Bộ									
1	Mường Tè	23,1	0,7	23,6	89,1	323,3	11,8	424,0	61,3
2	Sìn Hồ	16,0	0,0	16,7	98,6	415,9	55,7	525,3	16,6
3	Lai Châu	23,4	0,4	24,0	92,6	219,6	3,3	297,3	81,6
4	Điện Biên	22,4	0,0	23,1	99,7	225,1	94,2	255,8	0,5
5	Tuần Giáo	21,6	0,3	22,4	96,4	172,1	0,0	261,1	99,5
6	Sơn La	21,4	0,0	21,9	99,4	161,3	87,4	275,9	1,6
7	Quỳnh Nhai	23,6	79,6	23,9	3,6	206,9	8,4	310,5	67,4
8	Sông Mã	22,7	0,0	23,4	99,7	140,4	46,8	221,0	18,7
9	Yên Châu	22,8	0,0	23,7	99,3	146,3	84,5	239,0	3,1
10	Mộc Châu	18,9	0,0	19,4	99,9	307,3	87,8	460,5	2,2
11	Sa Pa	15,1	0,2	15,8	96,8	475,9	96,0	611,9	0,7
12	Hòa Bình	24,2	0,0	24,7	99,8	403,7	94,0	526,2	0,8
Đông Bắc Bộ									
1	Hà Giang	23,6	0,0	24,2	97,6	376,9	98,5	516,9	0,1
2	Bắc Quang	23,7	0,1	24,2	96,6	819,8	50,0	1081,0	16,2
3	Cao Bằng	22,2	0,0	22,8	99,7	233,1	98,5	301,4	0,1
4	Lạng Sơn	21,8	0,0	22,3	99,2	221,1	76,5	308,8	4,5
5	Tuyên Quang	24,3	0,0	24,8	99,9	260,5	5,0	361,7	72,0
6	Thái Nguyên	24,5	0,0	25,1	99,2	277,0	91,3	441,7	0,8
7	Yên Bái	24,0	0,1	24,4	96,7	384,0	97,3	529,8	0,2
8	Móng Cái	24,0	0,0	24,6	99,9	396,6	0,0	709,9	99,9
9	Vĩnh Yên	25,0	0,0	25,6	98,5	271,2	96,4	364,0	0,3
10	Việt Trì	24,7	0,0	25,3	99,5	236,2	26,1	374,2	41,6
11	Bắc Giang	24,6	0,1	25,1	96,7	248,9	65,6	373,7	7,4
12	Hải Dương	24,4	0,0	25,1	98,9	291,1	0,0	420,4	99,4
13	Phù Liễn	24,3	0,1	24,8	98,0	319,4	0,1	413,3	98,6
14	Nam Định	24,6	0,0	25,3	97,4	448,0	8,9	569,7	68,3
15	Thái Bình	24,2	0,0	24,7	99,5	407,1	1,3	598,5	92,6
16	Ninh Bình	24,7	0,0	25,2	99,8	477,8	18,9	653,0	48,1
Bắc Trung Bộ									
1	Thanh Hóa	24,6	0,0	25,1	99,1	583,3	41,9	739,3	29,1
2	Bái Thượng	24,2	0,0	24,9	97,9	441,8	15,5	704,3	55,0
3	Vinh	24,5	0,0	25,4	99,9	950,5	97,4	1427,4	0,2
4	Tương Dương	24,0	0,0	24,7	99,8	342,6	97,6	457,2	0,2
5	Hà Tĩnh	24,5	0,0	25,2	99,5	1351,3	99,5	1882,7	0,0
6	Tuyên Hoá	23,6	0,0	24,3	99,9	1304,2	89,1	1755,4	1,5
7	Đồng Hới	24,9	0,0	25,5	98,5	1248,9	87,2	1538,3	1,5
8	Đông Hà	25,0	0,1	25,5	97,1	1330,6	85,8	1641,2	2,5
9	Huế	24,9	1,2	25,4	89,1	1712,6	99,4	2382,0	0,0
10	A Lưới	21,4	0,0	22,0	100,0	1848,5	97,2	2867,0	0,2
Duyên hải Nam Trung Bộ									
1	Đà Nẵng	25,8	0,0	26,3	100,0	1441,6	84,3	1799,2	2,7
2	Tam Kỳ	25,5	0,0	25,9	100,0	1695,7	73,4	1992,5	5,9
3	Trà My	24,1	0,0	24,8	100,0	2238,2	99,1	2911,0	0,0
4	Quảng Ngãi	25,7	0,0	26,2	100,0	1434,3	74,5	1846,0	6,1
5	Ba Tơ	25,0	0,0	25,5	100,0	2038,5	96,0	2559,4	0,3
6	Quy Nhơn	27,0	0,0	27,3	100,0	1082,2	99,0	1469,7	0,0
7	Tuy Hoà	26,6	0,0	27,1	100,0	1253,0	92,8	1688,2	0,4
8	Sơn Hoà	25,5	0,0	26,0	100,0	858,9	98,5	1187,1	0,1
9	Nha Trang	26,8	0,0	27,2	100,0	739,7	90,3	1023,2	1,3
10	Trường Sa	27,9	0,1	28,3	96,5	787,6	95,2	1110,2	0,4
Cao nguyên Trung Bộ									
1	Kon Tum	23,4	0,0	24,0	100,0	509,7	99,7	688,6	0,0
2	Đắk Tô	22,1	0,0	22,6	99,7	413,8	33,9	571,9	32,2

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (ºC)	XSHC (%)	PV2 (ºC)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
3	Pleiku	21,6	0,0	22,1	100,0	606,7	86,2	749,5	1,9
4	Ayunpa	25,2	0,0	25,8	100,0	511,2	99,9	646,5	0,0
5	M'Drak	23,6	0,0	24,0	100,0	1012,5	98,8	1366,6	0,0
6	Đắk Nông	22,7	0,0	23,2	99,6	636,7	46,7	854,0	16,0
7	Đà Lạt	18,0	0,0	18,4	99,9	586,9	44,6	728,3	18,4
8	Liên Khương	21,2	0,0	21,5	100,0	520,3	34,4	699,6	22,7
9	Bảo Lộc	21,8	0,0	22,1	98,9	855,1	21,7	1144,0	48,4
Nam Bộ									
1	Phan Thiết	26,9	0,0	27,2	100,0	374,6	87,9	457,2	1,8
2	Phước Long	25,4	0,0	25,9	100,0	842,7	42,1	1062,6	25,0
3	Vũng Tàu	27,4	0,0	27,8	100,0	434,6	13,8	606,0	45,8
4	Mỹ Tho	26,6	0,0	26,9	100,0	586,6	84,8	687,9	1,9
5	Cần Thơ	26,8	0,0	27,2	100,0	589,5	99,9	761,2	0,0
6	Rạch Giá	27,5	0,0	27,7	100,0	728,7	98,6	867,1	0,1
7	Phú Quốc	27,1	0,0	27,4	100,0	923,3	76,1	1097,6	4,4
8	Sóc Trăng	26,7	0,0	27,0	100,0	589,3	32,5	783,5	35,1
9	Cà Mau	27,1	0,0	27,4	100,0	887,8	99,2	1005,2	0,0

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)
XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

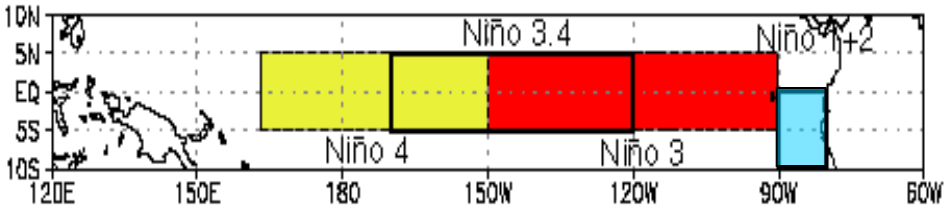
MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

El Nino: El Nino là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Nino còn được gọi là "pha nóng".

La Nina: Ngược với El Nino, La Nina là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Nina còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD là khu vực nằm trong khoảng 20°N - 20°S, 100°E - 60°W.



Để xác định các hiện tượng El Nino/La Nina người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO)*:* SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Nino/La Nina (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.